

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 1 HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026 -2027 (ĐỢT 1.1)**

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới	Lớp	Mã KLTN	Chuyên ngành	Bộ môn hướng dẫn
1	677845	Nguyễn Hải An	Nam	K67KTTCE	KTE04992	Kinh tế tài chính	Kinh tế TN&MT
2	683907	Chu Hải Anh	Nữ	K68KTTC	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế
3	681015	Nguyễn Phương Anh	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
4	686598	Nguyễn Trần Phương Anh	Nữ	K68KTTC	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế
5	673709	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	K67KTTCE	KTE04992	Kinh tế tài chính	Kinh tế NN&CS
6	677701	Trịnh Quang Anh	Nam	K67KTB	KT04993	Kinh tế	Quản lý phát triển
7	686633	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ	K68KTTC	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế
8	686635	Chữ Lan Chi	Nữ	K68KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kế hoạch và đầu tư
9	677777	Trịnh Phương Chi	Nữ	K67KTSA	KT04990	Kinh tế và Kinh doanh số	Quản lý kinh tế
10	677895	Nguyễn Minh Chính	Nam	K67KTTCE	KTE04992	Kinh tế tài chính	Kinh tế
11	635501	Nguyễn Văn Chính	Nam	K63PTNTP	PKT04001	Phát triển nông thôn	Kinh tế TN&MT
12	688573	Hà Thị Dung	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Quản lý kinh tế
13	673792	Trương Anh Dũng	Nam	K67KTSA	KT04990	Kinh tế và Kinh doanh số	Quản lý kinh tế
14	673804	Phan Nguyễn Hương Giang	Nữ	K67KTTCE	KTE04992	Kinh tế tài chính	Quản lý kinh tế
15	673819	Nguyễn Thanh Hải	Nam	K67KTSA	KT04990	Kinh tế và Kinh doanh số	Quản lý kinh tế
16	685303	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế
17	676888	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	K67KTTCE	KTE04992	Kinh tế tài chính	Quản lý phát triển
18	673830	Trần Thu Hiền	Nữ	K67KTTCE	KTE04992	Kinh tế tài chính	Kế hoạch và đầu tư
19	673835	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
20	677714	Ninh Đức Hiếu	Nam	K67KTB	KT04993	Kinh tế	Quản lý phát triển
21	673855	Bùi Đăng Thịnh Hưng	Nam	K67KTSA	KT04990	Kinh tế và Kinh doanh số	Quản lý kinh tế
22	683412	Tô Liên Hương	Nữ	K68KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kinh tế
23	673862	Võ Thị Mai Hương	Nữ	K67KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Quản lý phát triển
24	688657	Thạch Thị Hương	Nữ	K68KTA	KT04993	Kinh tế	Quản lý phát triển
25	688561	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Quản lý phát triển
26	688556	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
27	6662527	Vương Nhật Khánh	Nữ	K66KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế NN&CS
28	673887	Hạ Tùng Lâm	Nam	K67KTPTA	KT04994	Kinh tế phát triển	Quản lý phát triển
29	683230	Nguyễn Vũ Hoàng Lan	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
30	685530	Trương Thị Lan	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Quản lý kinh tế
31	673904	Lâm Quang Linh	Nam	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
32	686847	Vũ Thùy Linh	Nữ	K68KTTC	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế
33	677766	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	K67KTNNA	KT04991	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế NN&CS
34	677667	Phạm Hoài Nam	Nam	K67KTB	KT04993	Kinh tế	Kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới	Lớp	Mã KLTN	Chuyên ngành	Bộ môn hướng dẫn
35	677825	Dương Thu Ngân	Nữ	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế
36	675742	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
37	673957	Bùi Thị Bích Ngọc	Nữ	K67KTTCB	KTE04992	Kinh tế tài chính	Kinh tế
38	673968	Nguyễn Trọng Nhân	Nam	K67KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kế hoạch và đầu tư
39	686932	Mai Thị Hồng Nhung	Nữ	K68KTA	KT04993	Kinh tế	Quản lý phát triển
40	682418	Trần Thị Nhung	Nữ	K68KTTCB	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế
41	673981	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	K67KTA	KT04993	Kinh tế	Kinh tế NN&CS
42	686959	Tạ Bích Phượng	Nữ	K68KTTCB	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế NN&CS
43	688670	Phí Đình Quang	Nam	K68KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kế hoạch và đầu tư
44	674010	Nghiêm Minh Quốc	Nam	K67KTSA	KT04990	Kinh tế và Kinh doanh số	Quản lý kinh tế
45	681184	Nguyễn Công Quyền	Nam	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
46	674045	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	K67KTTCB	KTE04992	Kinh tế tài chính	Kinh tế NN&CS
47	674048	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	K67KTTCB	KTE04992	Kinh tế tài chính	Quản lý kinh tế
48	674051	Dương Đình Thịnh	Nam	K67QLKTA	KT04995	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
49	676048	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	K67KTTCB	KT04981	Kinh tế tài chính	Kinh tế NN&CS
50	687046	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	K68KTA	KT04993	Kinh tế	Quản lý phát triển
51	682419	Nguyễn Thị Trang	Nữ	K68KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kế hoạch và đầu tư
52	686127	Phạm Thùy Trang	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế NN&CS
53	6656496	Vũ Văn Trường	Nam	K66KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kế hoạch và đầu tư
54	682446	Lê Đức Tùng	Nam	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
55	681321	Phan Phùng Tú Uyên	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Quản lý kinh tế
56	686188	Vũ Thị Tú Uyên	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
57	6668529	Nguyễn Quốc Việt	Nam	K66KTB	KT04993	Kinh tế	Quản lý phát triển
58	687133	Nguyễn Hà Vy	Nữ	K68KTDTA	KT04998	Kinh tế đầu tư	Kế hoạch và đầu tư
59	682628	Nguyễn Thị Hà Vy	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT
60	674121	Nguyễn Thanh Yên	Nữ	K67KTA	KT04993	Kinh tế	Quản lý kinh tế
61	686237	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	K68QLNNLA	KT04982	Quản lý và phát triển NNL	Kinh tế TN&MT

Danh sách gồm 61 sinh viên